

03_7.2_通信プロトコルの予習フォーム

03_通信プロトコルの授業に向ける予習、お疲れ様でした。
予習した内容をするためにフォームを実施しましょう！

Email của người trả lời (**modelhwind@gmail.com**) đã được ghi lại khi họ gửi biểu mẫu này.

クラスを選びなさい *

- ☐ 火1
- ☐ 火2
- ☒ 水1
- ☐ 水2
- ☐ 金1

名前を書きなさい。 *

Dương Trung Kiên

学籍番号を書きなさい。 *

20215067

言葉の確認



✓ 「**OSI**」の読み方をカタカナで書きなさい。 *

オーエスアイ



✓ 「**Software**」の読み方をカタカナで書きなさい。 *

ソフトウェア



✓ 「**労力**」の読み方を書きなさい。 *

ろうりょく



✓ 「**備える**」の読み方を書きなさい。 *

そなえる



✓ 「**Chức năng (function)**」は日本語で書きなさい。

機能



× 「OSI基本参照モデル」はベトナム語で何ですか。

Mô hình tham chiếu kết nối các hệ thống mở

×

Câu trả lời đúng

Mô hình tham chiếu kết nối các hệ thống mở OSI

× 「同士」を使って、作文しなさい。

彼らはお隣同士です。

×

Câu trả lời đúng

しよりそくど

× 「あらかじめ」を使って、作文しなさい。

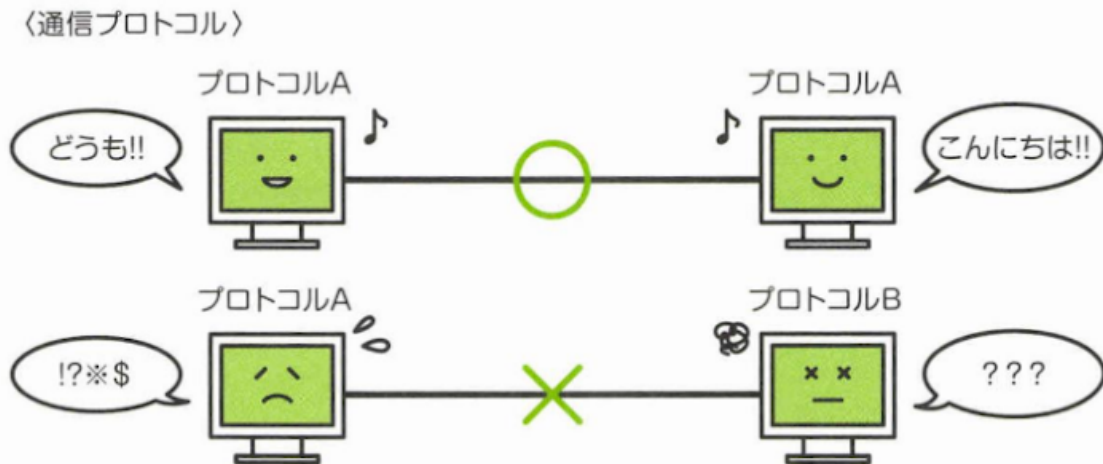
授業の前にあらかじめ単語を調べておいた。

×

内容の確認



✕ 以下のイメージを使って、通信プロトコルについて**ベトナム語**で説明しなさい。



1. Với những máy tính ở xa nhau sử dụng mạng để liên lạc với nhau, chúng sẽ sử dụng đường mạng nào, tín hiệu nào? Và làm thế nào để bạn có thể tìm được người để giao tiếp với, và phải làm những bước nào để giao tiếp được với họ? Chúng ta cần một quy ước. Quy ước đó gọi là giao thức truyền thông.
2. Trước khi mạng internet được lan truyền rộng rãi, đã cần rất nhiều nỗ lực để liên lạc qua mạng vì mỗi máy tính có chức năng liên lạc qua mạng khác nhau tùy vào nhà sản xuất và kiểu mẫu.

✕ OSI基本参照モデルの各層について、**日本語とベトナム語の名前を順番に書き**なさい。

1. 物理層 - Tầng vật lý
2. データリンク層 - Tầng liên kết dữ liệu
3. ネットワーク層 - Tầng mạng
4. トランスポート層 - Tầng giao vận
5. セッション層 - Tầng phiên
6. プレゼンテーション層 - Tầng trình diễn
7. アプリケーション層 - Tầng ứng dụng

Biểu mẫu này đã được tạo ra bên trong Sun* Inc..

Google Biểu mẫu





